

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 07/03/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường nộp lần đầu số 123023/CV-MSGPT ngày 12/9/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ” và Văn bản số 124023/CV-MSGPT ngày 01/11/2023 đề nghị cấp Giấy phép môi trường nộp sau khi hoàn thiện của Công ty Cổ phần Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Việt Trì,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện mắt Sài Gòn Phú Thọ” tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Bệnh viện mắt Sài Gòn Phú Thọ”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 26010481310 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/7/2022, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03/10/2022.

- Văn bản số 5262/UBND-KGVX ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì.

- Văn bản số 2119/UBND-KGVX ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh của Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: “Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ”.

1.5. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện trên tổng diện tích đất 558,0 m² tại 02 thửa đất: 741 và 749 (Tờ bản đồ số 49, khu quy hoạch Đ01 đã được UBND Thành phố cấp giấy chứng nhận QSD Đất số CH 553752 và số CH 553753 ngày 08/11/2017 với tổng diện tích sàn xây dựng của 2 tòa nhà là 1.370 m² tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô, công suất dự án:

Bệnh viện có quy mô 25 giường bệnh với tổng diện tích sàn xây dựng của 2 khu nhà là 1.370 m².

+ **Tòa Nhà A** (thửa đất số 741 (tờ bản đồ số 49) khu quy hoạch Đ0-1, khu 5, phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ), diện tích: 172,5 m²

Tầng 1 (Sảnh, tiếp tân, quầy thuốc, cấp cứu) : 172,5 m²

Tầng 2 (Khoa khám) : 172,5 m²

Tầng 3 (Khoa Mắt tổng hợp) : 172,5 m²

Tầng 4 (Khu vực phẫu thuật) : 172,5 m²

+ **Tòa Nhà B** (thửa đất số 749 (tờ bản đồ số 49) khu quy hoạch Đ0-1, khu 5, phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ), diện tích: 170 m²

Tầng 1 (Khu Căn tin, thay đồ và khu phụ trợ) : 170 m²

Tầng 2 (Khoa Cận Lâm Sàng) : 170 m²

Tầng 3 (Các phòng chức năng) : 170 m²

Tầng 4 (Văn phòng và Phòng họp) : 170 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Được phép xả khí thải, bụi thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải,


chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thải nước thải, chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải nước thải, chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND Thành phố Việt Trì theo quy định của pháp luật.

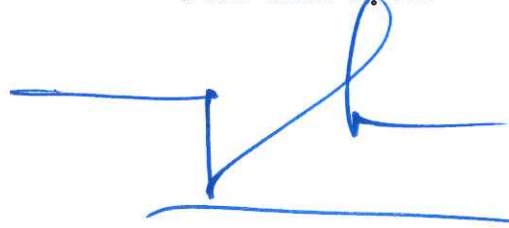
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / 

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND T.phố;
- Phòng TN&MT;
- UBND phường Vân Phú;
- Trang Thông tin điện tử của Thành phố;
- Công ty CP Bệnh viện Mắt Sài Gòn - Phú Thọ;
- Lưu: VT (Q.Anh-10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Xuân Hiệp

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2793/GPMT-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước đen là nước qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không qua bể tự hoại như nước rửa, tắm giặt, ...);
- Nguồn số 2: Nước thải y tế từ quá trình khám chữa bệnh;
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực bếp ăn của bệnh viện.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nước đen từ nguồn số 01 được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được nhập cùng nước xám tương ứng từ nguồn số 02 thông qua hệ thống đường ống nhánh nhập về đường ống chính, sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải từ nguồn số 02 gồm: Nước thải từ phòng xét nghiệm được dẫn vào hệ thống ống dẫn nước thải chung ra khu xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

a. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố Việt Trì.

b. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải của dự án theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3° có tọa độ: X = 2360359; Y = 565043.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố Việt Trì.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10,5\text{m}^3/\text{ngày}$, đêm.

- Phương thức xả nước thải: Xả nước thải theo phương pháp tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24h; chu kỳ xả 365 ngày/năm.

c. Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án gồm các thành phần chất ô nhiễm và giá trị giới hạn so sánh được thể hiện ở bảng dưới đây:

* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt được thể hiện ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép Giới hạn
I	QCVN 28:2010/ BTNMT, cột B, K=1,0		
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD5 (20°C)	mg/l	50

3	COD	mg/l	100
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
12	Tổng oliforms	MPN/ 100ml	5.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
II	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B, K=1,0		
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000
17	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn sau đó xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 10,5 m³/ngày, đêm của dự án, nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép sau đó sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Thành phố đạt QC14:2008/BTNMT (Cột B) trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nguồn số 2: Nước thải y tế sẽ được thu gom bằng đường ống riêng sau đó đưa vào hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 10,5 m³/ngày, nước sau XL đạt QCVN 28:2010.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ khu vực bếp ăn sẽ được thu gom vào bể tách dầu 2 ngăn thu có dung tích 1,5m³ để tách dầu mỡ tại khu vực nấu ăn sau đó dẫn bằng đường ống riêng chảy ra đường cống thu gom nước thải chung và chảy về hồ thu gom nước thải tập chung.

- Nước mưa được dẫn từ mái các công trình bằng ống thoát đứng PVC D110 xuống dưới nền tầng 1 rồi dẫn ra mương thoát nước mưa ngoài công trình. Trên

mái bố trí các quả cầu thu mưa, chặn rác trước khi nước mưa chảy vào ống, dẫn ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt bao gồm bể tự hoại 03 ngăn sau đó xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 10,5 m³/ngày, đêm của dự án, nước sau xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả thải mức B theo QCVN14:2008/BTNMT.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn thải 1: Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải 10,5 m³/ngđ → thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của Thành phố.

+ Nguồn thải 2: Nước thải y tế → Đường ống riêng → Hệ thống xử lý nước thải 10,5 m³/ngày, đêm → thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của Thành phố.

+ Nguồn thải 3: Nước thải dính dầu, mỡ phát sinh từ khu vực bếp nấu → bể tách dầu mỡ → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 10,5 m³/ngày đêm.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Do công suất của nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án không nhiều nên dự án không thuộc đối tượng quan phải quan trắc tự động và quan trắc định kỳ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

3.3. Thực hiện quan trắc định kỳ và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

PHỤ LỤC 2**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2793GPMT-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì)

I. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động ra vào bệnh viện.

II. Giới hạn cho phép

+ Tiếng ồn không vượt giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB	
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

PHỤ LỤC 3**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI
VÀ ĐẢM BẢO CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì)*

I. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI (Không có)

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI, BỤI THẢI:

1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi: Thực hiện biện pháp tưới nước làm ẩm đường giao thông nhất là vào những ngày khô hanh và bố trí các phương tiện giao thông ra vào xưởng hợp lý khoa học.
2. Bố trí bãi đậu xe và nhân viên hướng dẫn ra vào dự án hợp lý, tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm môi trường.
3. Đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe vận chuyển hàng hoá ra vào dự án sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2793 /GPMТ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023
của UBND thành phố Việt Trì)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Các loại chất thải sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động khoảng 91kg/ngày, đêm.

1.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh bao gồm:

(1) Chất thải lây nhiễm

+ Chất thải sắc nhọn bao gồm: các loại kim tiêm, kim lòn, kim bướm, kim chọc dò, kim châm cứu, ống mao dẫn, ống xét nghiệm thủy tinh; dịch sinh học của người. Loại CTR này phát sinh từ buồng tiêm; buồng bệnh nhân; phòng cấp cứu, phòng tiểu phẫu, phòng phẫu thuật.

+ Chất thải rắn lây nhiễm không sắc nhọn gồm: chất thải thấm máu, dịch, dây truyền dính máu, gang tay y tế; vật thải bỏ khác có dính máu (dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh).

Loại CTR này phát sinh từ buồng tiêm; buồng bệnh nhân; phòng cấp cứu; phòng tiểu phẫu.

(2) Chất thải hóa học nguy hại bao gồm:

+ Thuốc kém chất lượng, quá hạn sử dụng

+ Hóa chất, chất khử khuẩn thải chứa thành phần hóa học nguy hại

+ Các thuốc gây độc tế bào thải bỏ

+ Vỏ chai, lọ đựng các loại thuốc gây độc tế bào; các loại thuốc kháng sinh

+ Nhiệt kế thủy ngân hỏng, huyết áp kế thủy ngân hỏng

+ Loại chất thải hóa học phát sinh tại quầy thuốc, phòng khám.

+ Bóng đèn huỳnh quang hỏng; pin thải; ắc quy thải.

- Khối lượng CTNH phát sinh: 1500 kg/năm.

1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại:

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

Dự án cũng có nhân viên dọn vệ sinh hàng ngày để đảm bảo vệ sinh khu vực. Các tầng của từng tòa nhà đều bố trí các thùng rác nhỏ, dung tích 60 lít để đựng rác thải sinh hoạt. Hàng ngày, lượng rác tại mỗi tầng sẽ được nhân viên vệ sinh tập kết xuống các thùng rác đầy tay, có nắp đậy, dung tích 240 lít, đặt tại tầng 1 của tòa nhà. Rác thải tại các thùng này sẽ tập trung để đem đi xử lý. Tần suất tập kết rác: 1-2 ngày/lần.

Tần suất thu gom: thu gom hàng ngày vào mỗi buổi chiều.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường chủ yếu là bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải dự kiến xây dựng. Khối lượng bùn thải dự kiến khoảng 1,02 kg/ngày. Bùn thải từ trạm XLNT định kỳ 3 - 6 tháng được đơn vị có chức năng đến thu hút đi xử lý đúng quy định.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại với khối lượng phát sinh khoảng 1.500 kg/năm được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt dung tích 60 lít/thùng phân loại đối với từng loại chất thải y tế nguy hại riêng biệt sau đó được lưu giữ tại kho chứa có diện tích 2m² bao gồm 01 phòng chứa các loại chất thải nguy hại không phải là mẫu bệnh phẩm và 01 tủ đông 520 lít để lưu chứa các mẫu bệnh phẩm sau phẫu thuật.

1.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường và TT 20/2021/TTBYT.

1.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Mục tiêu chương trình giám sát chất thải rắn: Đảm bảo quá trình thu gom và thải bỏ cuối cùng các chất thải của khu đô thị tuân thủ đúng các quy định đối với quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn hiện hành.

- Các nội dung giám sát chính: Giám sát tình trạng thu gom, quy trình tạm chứa chất thải. Kiểm kê lại thành phần, khối lượng chất thải rắn đã được hợp đồng với các cơ quan chức năng thu gom và xử lý.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Phương pháp giám sát: Theo quy định hiện hành của Việt Nam về quản lý và xử lý chất thải rắn, bao gồm thu gom, lưu trữ, xử lý sơ bộ, vận chuyển... đối với chất thải rắn thông thường.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

1. Sự cố từ máy móc, thiết bị:

- Bố trí 01 nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhanh chóng sửa chữa nếu máy móc, thiết bị bị hỏng.

2. Không bơm được nước, động cơ không chạy:

Kiểm tra điện áp hiện tại và xem lại phích cắm.

- Xác định nguyên nhân của vấn đề và điều chỉnh lại công tắc.

3. Nứt, vỡ đường ống:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dẫn nước.
- Nhanh chóng sửa chữa hệ thống dẫn nước thải khi phát hiện có sự cố.

4. Mất điện:

Dùng máy phát điện dự phòng.

5. Biện pháp phòng ngừa rủi ro, sự cố hệ thống xử lý nước thải:

Để hạn chế sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý nước thải.
- Đi đường ống thông hơi cho các bể của hệ thống xử lý nước thải.
- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình.
- Định kỳ bổ sung men vi sinh.
- Thường xuyên kiểm tra phao.
- Đào tạo nhiệm vụ nhân viên kĩ càng trước khi vận hành hệ thống xử lý

nước thải.

- Tạm dừng hệ thống, kiểm máy móc hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ giám sát nước thải đầu ra
- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã đề ra.

* Biện pháp phòng tránh lây nhiễm dịch bệnh

Đối với các cán bộ và y, bác sỹ... hoạt động trong môi trường luôn luôn phải tiếp xúc các loại vi khuẩn gây bệnh, các bệnh truyền nhiễm, các dịch bệnh... Do vậy để đảm bảo an toàn về sức khoẻ cán bộ trong ngành, sẽ bố trí một khu vực cách ly riêng đối với các bệnh có khả năng lây lan nhanh như dịch bệnh tả, cúm H5N1, H1N1, SAD, COVID-19... đồng thời sẽ trang bị đầy đủ cả vật dụng bảo hộ theo đúng tiêu chuẩn của ngành y tế quy định.

Thường xuyên phun thuốc khử trùng trong các phòng, khoa, khu vực xung quanh để tránh vi khuẩn gây bệnh.

Tuyên truyền, giáo dục ý thức của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tự trang bị khẩu trang để bảo vệ mình trước những dịch bệnh có khả năng lây lan nhanh.

Phối hợp chặt chẽ với trung tâm y tế dự phòng của phường và thành phố trong công tác dập dịch và phòng chống dịch bệnh.

Trang cuối./.

